

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Diễm;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng V, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 20, ấp CTB, xã ML, huyện CD, tỉnh Long An; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hồng V, trình bày: Anh và chị T quen biết nhau qua mai mối, sau qua khi một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CD vào tháng 12 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh và chị T cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh ở tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T không chịu chung sống ở tỉnh Long An. Mặt khác, anh và chị T tính tình không hợp nhau. Anh và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, từ

khi ly thân vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Chị T đã về sống cùng nhà cha mẹ ruột sống tại ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Nay anh nhận thấy đời sống hôn nhân với chị T không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị T.

Thời gian chung sống vợ chồng, anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 01-5-2013. Hiện nay cháu P hiện được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Khi Tòa án cho anh và chị T ly hôn, anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Kim P. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh và chị T không có thiếu nợ ai, cũng như không ai thiếu nợ anh và chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh V là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hồng V. Khi ly hôn: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 01-5-2013. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng V đối với chị Lê Thị T. Anh Nguyễn Hồng V được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Giao chị Lê Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 01-5-2013. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hồng V phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Hồng V khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Lê Thị T. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Hồng V và chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh V và chị T quen biết nhau qua mai mối và sau khi qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CD vào tháng 12 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh V và chị T cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh V ở tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T không chịu chung sống ở tỉnh Long An. Mặc khác, anh V và chị T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh V và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Chị T đã về sống cùng nhà cha mẹ ruột sống tại ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh từ năm 2014. Nay anh V nhận thấy đời sống hôn nhân với chị T không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị T.

Chị T thừa nhận lời trình bày của anh V là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị T đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hồng V. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa anh V và chị T đã đến mức trầm trọng, chị T và anh V không thể hàn gắn đoàn tụ, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng V đối với chị Lê Thị T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng, anh V và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 01-5-2013, hiện đang sống với chị T. Anh V đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 01-5-2013. Chị T có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim P và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Kim P có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, để tạo điều kiện và đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu P. Cần giao chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng V đối với chị Lê Thị T. Anh Nguyễn Hồng V được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 01-5-2013. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018328 ngày 26-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho anh V và chị T biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã ML, huyện CĐ.
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt